Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8548.00.00

Mã HS	8548.00.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận điện của máy móc hoặc thiết bị, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 11:38:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85480000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16133
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16133
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16133
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15484
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15413
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15413
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15413
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15413
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15413
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15413
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15469
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15469

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15469
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15469
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15469
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15469
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15470
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15470
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15470
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15470
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15470
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15470
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15471
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15419
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15427
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15427
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15427
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15427
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15427
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15427
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15467
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15467
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15467
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15467
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15467
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15467
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15529
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15529
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15529
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15529
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15529
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15503
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15503
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15503
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15503
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15503
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15503
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15506
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15506
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15506
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15506
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15506
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15506
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15512
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15512
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15512
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15512
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15512
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15512
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15511
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15511
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15511
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15511

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15511
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15511
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15500
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15500
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15500
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15500
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15500
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15500
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15500
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15494
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15494
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15494
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15494
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15494
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15494
RCEP B	2022	2022	0	B!D15494
RCEP B	2023	2023	0	B!E15494
RCEP B	2024	2024	0	B!F15494
RCEP B	2025	2025	0	B!G15494
RCEP B	2026	2026	0	B!H15494
RCEP B	2027	2027	0	B!I15494
RCEP C	2022	2022	0	C!D15494
RCEP C	2023	2023	0	C!E15494
RCEP C	2024	2024	0	C!F15494
RCEP C	2025	2025	0	C!G15494
RCEP C	2026	2026	0	C!H15494

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15494
RCEP D	2022	2022	0	D!D15493
RCEP D	2023	2023	0	D!E15493
RCEP D	2024	2024	0	D!F15493
RCEP D	2025	2025	0	D!G15493
RCEP D	2026	2026	0	D!H15493
RCEP D	2027	2027	0	D!I15493
RCEP E	2022	2022	0	E!D15497
RCEP E	2023	2023	0	E!E15497
RCEP E	2024	2024	0	E!F15497
RCEP E	2025	2025	0	E!G15497
RCEP E	2026	2026	0	E!H15497
RCEP E	2027	2027	0	E!I15497
RCEP F	2022	2022	0	F!D15494
RCEP F	2023	2023	0	F!E15494
RCEP F	2024	2024	0	F!F15494
RCEP F	2025	2025	0	F!G15494
RCEP F	2026	2026	0	F!H15494
RCEP F	2027	2027	0	F!I15494
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14454
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14454
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14454
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14454

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8548.00.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8548.00.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8548.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8548.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16133), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.